

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321B-C Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận, HCM.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 0090
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2014
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	06
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	07 - 08
4. Kết quả kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014	11 - 38



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là: Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Vốn điều lệ : 397.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3756 0110

Fax : +84 (8) – 3756 0799

Mã số thuế : 0302975517

2.2 Đơn vị trực thuộc

Nhà máy Bình Điền Long An

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

4. Các công ty con

STT	Tên Công ty	Ngành nghề hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
2	Công ty Cổ phần Bình Điền Mêkong	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
3	Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
4	Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
5	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Thể thao và quảng cáo	100,00%	Khu công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**5.1 Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Quốc Phong	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên
Ông Trần Tấn Sơn	Thành viên
Ông Thái Bửu Lâm	Thành viên
Ông Lê Xuân Phương	Thành viên
Ông Bùi Thế Chuyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Chương	Thành viên

5.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Hà Thanh Sơn	Trưởng ban
Ông Trần Đức Dũng	Thành viên
Ông Cao Xuân Tiến	Thành viên
Ông Lê Thanh Hạo Nhiên	Thành viên
Bà Đào Thị Ngọc Lan	Thành viên

5.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lê Quốc Phong	Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tấn Sơn	Kế toán trưởng

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 07 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Điều hành Tập đoàn khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

9. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Điều hành Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên của Ban Điều hành cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Không một thành viên nào của Ban Điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các Công ty hay các bên liên quan.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014.

TM. Hội đồng Quản trị



LÊ QUỐC PHONG

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



Số: 2468A/14/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2014

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 25 tháng 08 năm 2014 (từ trang 07 đến trang 38) của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn").

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất thuộc về Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên công việc soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN số: 2141-2013-071-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.364.237.883.466	2.433.755.444.335
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	532.651.165.549	365.203.192.790
111	1. Tiền		374.851.165.549	365.203.192.790
112	2. Các khoản tương đương tiền		157.800.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		922.573.391.095	467.532.530.487
131	1. Phải thu của khách hàng	5.2	737.431.057.966	437.741.647.966
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	171.562.980.176	24.395.566.551
138	5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.4	20.661.729.512	12.497.692.529
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	5.5	(7.082.376.559)	(7.102.376.559)
140	IV. Hàng tồn kho	5.6	810.993.388.498	1.490.112.610.351
141	1. Hàng tồn kho		821.512.431.319	1.507.245.203.861
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(10.519.042.821)	(17.132.593.510)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		98.019.938.324	110.907.110.707
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		142.103.652	6.241.227
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		84.493.717.021	102.545.687.293
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		605.193.220	15.438.082
158	5 Tài sản ngắn hạn khác	5.7	12.778.924.431	8.339.744.105
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		479.859.867.233	483.795.028.401
220	II. Tài sản cố định		464.550.573.371	466.150.496.260
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.8	176.277.557.663	208.326.311.676
222	- Nguyên giá		302.318.632.879	326.580.427.514
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(126.041.075.216)	(118.254.115.838)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	5.9	20.176.708.845	540.596.390
225	- Nguyên giá		24.212.050.613	786.910.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.035.341.768)	(246.313.610)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.10	242.989.425.114	235.404.256.436
228	- Nguyên giá		248.027.501.375	239.710.756.153
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.038.076.261)	(4.306.499.717)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.11	25.106.881.749	21.879.331.758
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		9.110.156.580	9.110.156.580
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	5.12	11.661.918.871	11.661.918.871
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	5.13	(2.551.762.291)	(2.551.762.291)
260	V. Lợi thế thương mại	5.14	1.529.239.201	2.380.021.653
270	VI. Tài sản dài hạn khác		4.669.898.081	6.154.353.909
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.15	1.924.892.081	2.351.483.432
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	1.049.994.477
273	3. Tài sản dài hạn khác	5.16	2.745.006.000	2.752.876.000
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.844.097.750.699	2.917.550.472.736

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

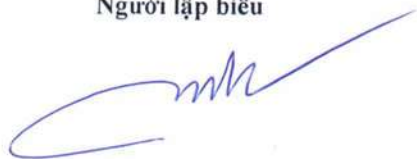
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		2.080.983.928.742	2.132.347.176.257
310	I. Nợ ngắn hạn		2.059.920.839.839	2.112.643.901.369
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.17	1.614.726.459.369	1.587.737.245.159
312	2. Phải trả người bán	5.18	123.343.469.282	217.594.403.159
313	3. Người mua trả tiền trước	5.19	7.789.569.848	1.808.208.060
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.20	134.780.138.347	156.765.773.353
315	5. Phải trả người lao động	5.21	28.020.210.612	45.832.108.293
316	6. Chi phí phải trả	5.22	90.353.407.021	92.991.435.280
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.23	48.934.886.738	9.285.716.583
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.972.698.622	629.011.482
330	II. Nợ dài hạn		21.063.088.903	19.703.274.888
333	1. Phải trả dài hạn khác		-	592.500.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	5.24	21.063.088.903	19.110.774.888
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		639.550.521.039	669.112.635.743
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.25	639.550.521.039	669.112.635.743
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.209.536.048	7.209.536.048
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		68.826.057.803	36.132.841.991
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		6.384.336.211	3.884.372.667
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		17.179.200.938	8.662.044.721
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		142.951.390.039	216.223.840.317
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
500	C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	5.26	123.563.300.918	116.090.660.736
600	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.844.097.750.699	2.917.550.472.736

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý	5.27	7.696.640.082	7.696.640.082
2. Ngoại tệ các loại			
- USD		5.016.344,48	124.099,37
- EUR		100,00	100,00
- LAK		100.000,00	100.000,00

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	3.454.992.053.596	3.698.819.790.769
03	2. Các khoản giảm trừ	6.2	33.997.566.134	40.401.211.921
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.3	3.420.994.487.462	3.658.418.578.848
11	4. Giá vốn hàng bán	6.4	3.092.395.290.994	3.289.627.197.342
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		328.599.196.468	368.791.381.506
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.5	5.637.936.781	1.768.557.189
22	7. Chi phí tài chính	6.6	63.289.069.187	72.614.867.252
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		56.822.423.345	68.126.542.381
24	8. Chi phí bán hàng	6.7	83.459.362.891	120.691.459.125
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.8	25.595.098.732	19.959.306.950
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		161.893.602.439	157.294.305.368
31	11. Thu nhập khác	6.9	34.756.366.625	7.554.383.817
32	12. Chi phí khác	6.10	27.067.916.993	81.446.065
40	13. Lợi nhuận khác		7.688.449.632	7.472.937.752
50	14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		-	-
60	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		169.582.052.071	164.767.243.120
61	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.11	29.950.810.458	34.328.991.733
62	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.12	1.049.994.477	-
70	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		138.581.247.136	130.438.251.387
	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		30.617.217.578	31.350.863.110
	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		107.964.029.558	99.087.388.277
80	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.13	2.719	2.496

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		169.582.052.071	164.767.243.120
	2. Điều chỉnh các khoản		70.370.339.282	90.144.566.105
02	- Khấu hao tài sản cố định		19.881.856.095	21.275.291.543
03	- Các khoản dự phòng		(6.633.550.689)	742.732.181
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		970.240.339	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(670.629.808)	-
06	- Chi phí lãi vay		56.822.423.345	68.126.542.381
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		239.952.391.353	254.911.809.225
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(438.201.698.814)	(540.661.500.354)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		685.732.772.542	12.321.134.491
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(100.041.214.998)	298.861.487.653
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.141.511.378	(784.590.287)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(56.822.423.345)	(68.126.542.381)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(53.161.664.166)	(34.557.967.467)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(11.343.687.140)	(4.765.949.307)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		267.255.986.809	(82.802.118.427)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(23.414.176.530)	(13.731.626.591)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.519.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(212.303.030.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		212.303.030.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.299.924.277	-
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(18.595.252.253)	(13.731.626.591)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.854.854.001.794	2.282.683.978.931
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.828.202.356.005)	(2.159.058.001.347)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		(1.410.638.609)	(233.158.559)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(107.429.736.029)	(72.408.753.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(82.188.728.849)	50.984.066.025
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		166.472.005.707	(45.549.678.993)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		365.203.192.790	383.599.343.934
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		975.967.052	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	532.651.165.549	338.049.664.941

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LE QUỐC PHONG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

1.4 Các công ty con

Tổng các công ty con: 5 công ty.

Số lượng các công ty con hợp nhất: 05 công ty.

Danh sách các công ty con hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành nghề hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
1. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Thể thao và quảng cáo	100,00%
2. Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%
3. Công ty Cổ phần Bình Điền Mêkong	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%
4. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%
5. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Sản xuất phân bón và thương mại	51,00%

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2014.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo hướng dẫn của thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.
- Tỷ giá hạch toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là tỷ giá mua bình quân chuyển khoản của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Công thương Việt Nam: 21.303 VNĐ/USD.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định

3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

▪ Công ty con

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty theo

phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

▪ **Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư, nếu phát sinh vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

4.3 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản công nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào mức dự kiến tổn thất để lập dự phòng.

4.5 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ **Nguyên tắc đánh giá:**

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ **Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính (năm 2013 Công ty áp dụng khấu hao theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính).

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định hữu hình:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08 năm

4.6 Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính bao gồm giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tài sản thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.7 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của công ty bao gồm:
- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu hao và quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn sử dụng.
- Phần mềm bản quyền Windows, phần mềm kế toán.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, mua sắm tài sản cố định chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình cụ thể.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính được trích lập khi các tổ chức kinh tế được đầu tư bị lỗ được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành như sau: với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn của Công ty so với tổng số vốn góp của các bên tại các tổ chức kinh tế.
- Tăng giảm các khoản lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là công cụ dụng cụ được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4.14 Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

4.15 Trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.16 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

4.17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.18 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

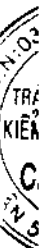
Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.19 Phân loại tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

đối với công cụ tài chính. Theo đó, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu; các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

4.20 Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Theo đó, các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu: Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

4.21 Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22 Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.23 Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.24 Nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất 22% (năm 2013 thuế suất 25%).
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	6.456.586.404	28.805.113.945
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	368.394.579.145	336.398.078.845
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	157.800.000.000	-
Tổng cộng		532.651.165.549	365.203.192.790

5.1.3 Các khoản tương đương tiền

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời hạn dưới ba tháng.

5.2 Phải thu khách hàng

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng tại Công ty mẹ	428.960.603.464	198.312.221.842
- Phải thu khách hàng tại các Công ty con	308.470.454.502	239.429.426.124
Cộng	737.431.057.966	437.741.647.966

5.3 Trả trước cho người bán

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trả trước người bán tại Công ty mẹ	165.232.506.694	19.211.149.620
- Trả trước người bán tại các Công ty con	6.330.473.482	5.184.416.931
Cộng	171.562.980.176	24.395.566.551

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu bảo hiểm xã hội, y tế	4.070.638.685	3.602.467.033
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (phải thu cổ phần hóa)	3.737.502.545	3.737.502.545
- Phải thu thuế thu nhập cá nhân	1.011.819.239	826.780.128
- Phải thu hàng hóa bị tổn thất	295.136.410	335.136.410
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế VN	3.981.582.000	-
- Phải thu khác	7.565.050.633	3.995.806.413
Cộng	20.661.729.512	12.497.692.529

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư đầu năm	(7.102.376.559)	(5.500.305.591)
- Lập dự phòng trong kỳ	-	(742.732.181)
- Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	20.000.000	-
Cộng	(7.082.376.559)	(6.243.037.772)

5.6 Hàng tồn kho

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.6.1	Hàng mua đang đi đường	-	-
5.6.2	Nguyên liệu, vật liệu	654.545.142.857	642.001.454.921
5.6.3	Công cụ, dụng cụ	7.028.177.704	5.349.296.734
5.6.4	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
5.6.5	Thành phẩm	155.101.082.104	854.551.729.811
5.6.6	Hàng hóa	4.838.028.654	5.342.722.395
5.6.7	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.519.042.821)	(17.132.593.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		810.993.388.498	1.490.112.610.351

5.6.2 Nguyên liệu, vật liệu

Chủ yếu là phân bón nguyên liệu đầu vào sản xuất phân bón thành phẩm.

5.6.4 Thành phẩm

Chủ yếu là phân bón thành phẩm các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

Chi tiết:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tạm ứng	8.470.050.252	7.912.535.526
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.308.874.179	427.208.579
Cộng	12.778.924.431	8.339.744.105

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 1.

5.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Là tài sản thuê tài chính theo Hợp đồng thuê số 12.09.11/HĐCTTC-BĐ với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu là Dây chuyền sản xuất phân bón NPK công suất 100.000 tấn/năm, thời hạn thuê 7 năm (tại Công ty mẹ).

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
1. Số dư đầu năm	786.910.000	-	786.910.000
2. Tăng trong kỳ	7.870.000	24.212.050.613	24.219.920.613
3. Giảm trong kỳ	794.780.000	-	794.780.000
4. Số dư cuối kỳ	-	24.212.050.613	24.212.050.613
II Giá trị hao mòn lũy kế			
1 Số dư đầu năm	246.313.610	-	246.313.610
2. Tăng trong kỳ	40.984.895	4.035.341.768	4.076.326.663
- Khấu hao trong kỳ	40.984.895	864.716.093	905.700.988
- Tăng khác	-	3.170.625.675	3.170.625.675
3. Giảm trong kỳ	287.298.505	-	287.298.505
-Giảm khác(*)	287.298.505	-	287.298.505
4. Số dư cuối năm	-	4.035.341.768	4.035.341.768
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	540.596.390	-	540.596.390
2. Tại ngày cuối kỳ	-	20.176.708.845	20.176.708.845

(*) Giảm khác là khoản chuyển từ Tài sản cố định thuê tài chính sang Tài sản cố định hữu hình do Công ty mua lại Tài sản thuê tài chính trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.10 Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	239.265.756.153	445.000.000	239.710.756.153
2. Tăng trong kỳ	8.316.745.222	-	8.316.745.222
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	247.582.501.375	445.000.000	248.027.501.375
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	4.066.336.462	240.163.255	4.306.499.717
2. Tăng trong kỳ	697.350.352	34.226.192	731.576.544
- Khấu hao trong kỳ	697.350.352	34.226.192	731.576.544
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	4.763.686.814	274.389.447	5.038.076.261
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	235.199.419.691	204.836.745	235.404.256.436
2. Tại ngày cuối kỳ	242.818.814.561	170.610.553	242.989.425.114

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hạng mục Kè bảo vệ bờ và 2 bên sà lan (Công ty mẹ)	8.314.416.394	5.850.280.030
- Công trình mở rộng nhà máy sản xuất NPK (Công ty mẹ)	3.649.400.909	3.609.400.909
- Quyền sử dụng đất (*) (Công ty mẹ)	3.192.479.771	3.192.479.771
- Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao (Công ty mẹ)	2.072.448.327	1.414.100.013
- Sửa chữa Nhà máy Long An (Công ty mẹ)	2.842.076.643	-
- Công trình nhà xưởng (Bình Điền Ninh Bình)	3.824.393.915	277.198.819
- Nhà xưởng số 03 (Bình Điền Quảng Trị)	-	7.000.000.000
- Các công trình khác	1.211.665.790	535.872.216
Cộng	25.106.881.749	21.879.331.758

(*) Là chi phí phát sinh mua quyền sử dụng đất tọa tại Khu Công nghiệp Đức Hòa III đang hoàn thành thủ tục cấp quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.12 Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

5.13 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà.

5.14 Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại công ty phân bổ trong 10 năm.

5.15 Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư đầu năm	2.351.483.432	1.249.177.913
- Tăng trong kỳ	122.667.000	1.142.167.273
- Phân bổ trong kỳ	(549.258.351)	(15.262.272)
Số dư cuối kỳ	1.924.892.081	2.376.082.914

5.16 Tài sản dài hạn khác

Chủ yếu là khoản ký quỹ thuê tài chính.

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu	2.674.000.000	2.674.000.000
- Các khoản ký quỹ khác	71.006.000	78.876.000
Cộng	2.745.006.000	2.752.876.000

5.17 Vay và nợ ngắn hạn

STT	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.17.1	Vay ngắn hạn	1.611.503.321.994	1.581.073.563.275
5.17.2	Nợ dài hạn đến hạn trả	3.223.137.375	6.663.681.884
Tổng cộng		1.614.726.459.369	1.587.737.245.159

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.17.1 Vay ngắn hạn

STT	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽¹⁾	329.909.293.439	281.078.107.209
2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽²⁾	317.652.461.045	330.277.954.723
3	Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam ⁽³⁾	182.799.617.307	219.516.673.340
4	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽⁴⁾	158.458.803.160	-
5	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam - TpHCM ⁽⁵⁾	126.997.217.460	136.488.306.963
6	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽⁶⁾	137.396.381.063	93.241.090.577
7	Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽⁷⁾	32.432.845.072	39.793.170.000
8	Ngân Hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽⁸⁾	44.991.598.277	46.971.320.000
9	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN TpHCM ⁽⁹⁾	55.513.036.813	53.744.446.605
10	Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Đồng Bằng Cửu Long - CN Sài Gòn ⁽¹⁰⁾	13.525.000.000	68.057.245.685
11	Ngân hàng Nông Nghiệp& Phát triển Nông thôn - CN Phú Nhuận ⁽¹¹⁾	14.825.250.000	99.293.851.116
12	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM ⁽¹²⁾	25.366.457.612	-
13	Vay cán bộ công nhân viên ⁽¹³⁾	32.881.672.800	27.109.561.800
14	Ngân hàng Nông Nghiệp& Phát triển Nông thôn - Lâm Đồng	35.597.596.910	99.260.765.528
15	Ngân hàng TMCP Quân đội	20.000.000.000	-
16	Các khoản vay của Công ty Bình Điền Quảng Trị	66.052.009.948	66.112.983.129
17	Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh Tây Sài Gòn	17.104.081.088	16.128.086.600
18	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt	-	4.000.000.000
Tổng cộng		1.611.503.321.994	1.581.073.563.275

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

- (1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 02/2013- HỘTDHM/NHCT900-BFC ngày 21 tháng 11 năm 2013, hạn mức 500.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu, lãi suất theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.
- (2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0142/KH/13NH ngày 10 tháng 06 năm 2013, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-01/CV-0142/KH/13NH, hạn mức 500.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.
- (3) Là khoản vay của Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam theo Hợp đồng vay Số 12/2014/HỘTD/VCFC-BĐ ngày 29 tháng 04 năm 2014, hạn mức 600.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.
- (4) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC_HỘTD/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013, hạn mức 10,000,000 USD, tương đương 208.280.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.
- (5) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM theo hợp đồng vay Số BFL/12-33 ngày 09 tháng 08 năm 2012, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số SBFL/14-40 ngày 19 tháng 03 năm 2014 với hạn mức 15,000,000.00 USD, mục đích bổ sung vốn lưu mua hàng hóa, lãi suất theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.
- (6) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 140149 ngày 27 tháng 02 năm 2014 điều chỉnh lần 2 của Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM 07120742 ngày 30/04/2012, hạn mức 10,000,000,000.00 USD (hoặc tương đương VND), mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động cho công ty nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, lãi suất theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.
- (7) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng vay Số BIT.DN.243.290514 ngày 01 tháng 06 năm 2014, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh phân bón các loại, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.
- (8) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTD ngày 05 tháng 04 năm 2012, và phụ lục Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTD/PL2 ngày 08 tháng 04 năm 2014, hạn mức 60.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, vay tín chấp.
- (9) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số 08814/PN-HỘTD ngày 26 tháng 06 năm 2014, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, vay tín chấp.
- (10) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long theo Hợp đồng vay Số HM.1059.14/HỘTD ngày 20 tháng 01 năm 2014, hạn mức 150.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, vay tín chấp.
- (11) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo Hợp đồng vay Số 1604-LAV-2014 ngày 16 tháng 04 năm 2014, hạn mức 72.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.

3303
C
TRÁCH
EM T
CHU
5-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

(12) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM theo Hợp đồng số 1703/13/HDTDHM/DN ngày 29 tháng 11 năm 2013, hạn mức 100.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, vay tín chấp.

(13) Là khoản vay các cán bộ nhân viên Công ty, mục đích bổ sung vốn lưu động, với lãi suất 8%-10%/năm.

5.17.2 Nợ dài hạn đến hạn trả

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Quảng Trị ⁽¹⁾	2.029.905.900	4.059.811.800
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽²⁾	1.193.231.475	2.444.255.844
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	-	159.614.240
Cộng	3.223.137.375	6.663.681.884

(1) Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả của Hợp đồng số 3900-LAV-201101715 được thuyết minh tại mục 5.24.

(2) Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả của Hợp đồng số 12.09.11/HĐTTC-BĐ được thuyết minh tại mục 5.24.

5.18 Phải trả người bán

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải trả nhà cung cấp tại Công ty mẹ	65.028.131.817	177.932.554.744
- Phải trả nhà cung cấp tại các Công ty con	58.315.337.465	39.661.848.415
Cộng	123.343.469.282	217.594.403.159

5.19 Người mua trả tiền trước

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Người mua trả trước tại Công ty mẹ	3.548.656.481	390.097.867
- Người mua trả trước tại các Công ty con	4.240.913.367	1.418.110.193
Cộng	7.789.569.848	1.808.208.060

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.20 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế GTGT phải nộp	2.188.959.847	800.187.276
- Thuế TNDN	16.439.126.619	39.628.905.222
- Thuế TNCN	655.278.659	1.658.060.200
- Thuế nhà đất, tiền thu đất	114.687.620.655	114.678.620.655
- Các khoản phải nộp khác	809.152.567	-
Cộng	134.780.138.347	156.765.773.353

5.21 Phải trả người lao động

Số dư cuối kỳ là quỹ lương còn phải trả người lao động.

5.22 Chi phí phải trả

Chủ yếu là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong năm.

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chiết khấu	24.000.000.000	30.214.236.976
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	30.488.659.142	15.198.740.000
- Trích trước chi phí du lịch khách hàng	20.053.737.759	41.368.445.000
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	8.400.000.000	-
- Chi phí vận chuyển	-	2.684.169.249
- Chi phí lãi vay	-	2.759.055.090
- Các khoản chi phí khác	7.411.010.120	766.788.965
Cộng	90.353.407.021	92.991.435.280

5.23 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	32.783.260	32.783.260
- Kinh phí công đoàn, đoàn phí	1.598.124.027	2.824.429.494
- Bảo hiểm xã hội, y tế	2.587.076.724	1.706.904.423
- Bảo hiểm thất nghiệp	725.553.707	757.913.523
- Cổ tức phải trả cổ đông	24.020.705.060	437.247.000
- Quỹ tiếp sức đến trường	807.093.783	285.069.195
- Quỹ người nghèo	164.013.882	520.849.882
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.999.536.295	2.720.519.806
Cộng	48.934.886.738	9.285.716.583

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

5.24 Vay và nợ dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ^(*)	12.951.465.303	10.999.151.288
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Quảng Trị ^(**)	8.111.623.600	8.111.623.600
Cộng	21.063.088.903	19.110.774.888

^(*) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền với số tiền 1.155.520 USD trong thời hạn 84 tháng.

^(**) Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 3900-LAV-201101715. Tài sản đảm bảo là tài sản trong tương lai của nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Quảng Trị. Mục đích vay để bổ sung vốn đầu tư dự án nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Quảng Trị, thời hạn vay là 60 tháng.

5.25 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**5.25.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết xem phụ lục 02.

5.25.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

- Chi tiết vốn góp của một số cổ đông có tỷ lệ trên 5%:

Cổ đông	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Vốn góp (VND)
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	25.805.000	258.050.000.000
- Và các cổ đông khác	35,00	13.895.000	138.950.000.000
Cộng	100,000	39.700.000	397.000.000.000

5.25.3 Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000	39.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	39.700.000	39.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	39.700.000	39.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cp)	10.000	10.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

5.26 Lợi ích cổ đông thiểu số

Số dư đầu năm	116.090.660.736
Tăng từ kết quả kinh doanh trong kỳ	30.617.217.578
Tăng vốn	10.819.953.600
Giảm trong kỳ	(33.964.530.996)
Số dư cuối kỳ	123.563.300.918

5.27 Nợ khó đòi đã xử lý

Đây là khoản công nợ phải thu khách hàng tại công ty mẹ và công ty con, sau thời gian quá hạn đã tiến hành trích lập dự phòng 100% và xử lý theo quy định.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	3.452.443.502.687	3.697.011.263.499
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.548.550.909	1.808.527.270
Cộng	3.454.992.053.596	3.698.819.790.769

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại	32.941.126.634	40.250.468.161
- Hàng bán bị trả lại	1.056.439.500	150.743.760
Cộng	33.997.566.134	40.401.211.921

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa, sản phẩm	3.418.445.936.553	3.656.610.051.578
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.548.550.909	1.808.527.270
Cộng	3.420.994.487.462	3.658.418.578.848

6.4 Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã bán.

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn bán hàng hóa, sản phẩm	3.092.395.290.994	3.289.627.197.342
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	3.092.395.290.994	3.289.627.197.342

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.931.390.000	1.639.762.623
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	976.266.075	128.794.566
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.730.280.706	-
Cộng	5.637.936.781	1.768.557.189

6.6 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí lãi vay	56.822.423.345	68.126.542.381
- Lãi trả chậm	-	801.345.000
- Lãi thuê tài chính	798.771.057	25.330.898
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.967.353.740	3.661.648.973
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.700.521.045	-
Cộng	63.289.069.187	72.614.867.252

6.7 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí mua ngoài	78.243.197.275	112.722.034.988
- Chi phí khác	5.216.165.616	7.969.424.137
Cộng	83.459.362.891	120.691.459.125

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	4.560.915.948	1.891.156.751
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	142.048.283	140.766.802
- Chi phí khấu hao	321.397.903	373.915.046
- Thuế, phí, lệ phí	14.184.000	290.253.278
- Chi phí dự phòng	20.000.000	742.732.181
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.547.629.921	14.357.433.601
- Chi phí lợi thế thương mại	117.633.785	246.105.922
- Chi phí bằng tiền khác	1.871.288.892	1.916.943.369
Cộng	25.595.098.732	19.959.306.950

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

6.9 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu nhập do hoàn thuế môi trường	96.200.000	-
- Thu nhập từ bán tài sản cố định	25.195.999.468	-
- Thu nhập từ bán phế liệu	2.391.906.000	2.758.568.000
- Thu từ cho thuê kho, lưu kho	516.081.790	4.682.528.817
- Thu nhập từ bồi thường hao hụt	15.722.264	61.187.000
- Thu nhập khác	6.540.457.103	52.100.000
Cộng	34.756.366.625	7.554.383.817

6.10 Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhượng bán tài sản cố định	25.200.902.099	-
- Chi phí khác	1.867.014.894	81.446.065
Cộng	27.067.916.993	81.446.065

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty mẹ	17.669.460.404
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Công ty con	12.281.350.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.950.810.458

6.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.049.994.477	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.049.994.477	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỆN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

6.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	107.964.029.558	99.087.388.277
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	107.964.029.558	99.087.388.277
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	39.700.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.719	2.496

6.14 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.044.637.733.062	2.355.555.896.692
- Chi phí nhân công	84.963.419.951	87.304.788.620
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.873.659.116	21.275.291.543
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.645.377.885	182.690.781.255
- Chi phí khác	6.114.838.508	11.030.026.613
Cộng	2.302.235.028.522	2.657.856.784.723

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các nghiệp vụ thực hiện trong năm với các bên liên quan****7.1 Tiền lương và tiền thưởng của các thành viên chủ chốt (*) của Công ty:**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Tiền lương	877.220.000	1.297.500.000
- Thù lao, các khoản khác	225.000.000	225.000.000
Cộng	1.102.220.000	1.522.500.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

7.2 Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của phát sinh trong năm chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

Khu vực địa lý

Hoạt động của công ty bao gồm bán hàng và cung cấp dịch vụ nội địa và xuất khẩu.

	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.005.345.826.675	415.648.660.787	3.420.994.487.462
Giá vốn hàng bán	2.714.251.938.493	378.143.352.501	3.092.395.290.994
Lãi gộp	291.093.888.182	37.505.308.286	328.599.196.468
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.237.402.587.556	421.015.991.292	3.658.418.578.848
Giá vốn hàng bán	2.907.808.644.277	381.818.553.065	3.289.627.197.342
Lãi gộp	329.593.943.279	39.197.438.227	368.791.381.506

7.2 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	532.651.165.549	365.203.192.790	532.651.165.549	365.203.192.790
Phải thu khách hàng	730.348.681.407	430.639.271.407	730.348.681.407	430.639.271.407
Các khoản phải thu khác	36.185.659.943	23.590.312.634	36.185.659.943	23.590.312.634
Cộng	1.299.185.506.899	819.432.776.831	1.299.185.506.899	819.432.776.831
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1.635.789.548.272	1.606.848.020.047	1.635.789.548.272	1.606.848.020.047
Phải trả cho người bán	123.343.469.282	217.594.403.159	123.343.469.282	217.594.403.159
Chi phí phải trả	90.353.407.021	92.991.435.280	90.353.407.021	92.991.435.280
Các khoản phải trả khác	48.934.886.738	9.878.216.583	48.934.886.738	9.878.216.583
Cộng	1.898.421.311.313	1.927.312.075.069	1.898.421.311.313	1.927.312.075.069

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

7.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các yếu tố của rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

7.4.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác (giá hàng hóa).

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán, giá cả hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và cho vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Ban Điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của công ty là không đáng kể.

7.4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời gian nợ một cách cụ thể. Đồng thời hàng tháng, Hội đồng quản trị đều có tiến hành họp để xem xét việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này, rủi ro liên quan tới các khoản phải thu là thấp..

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các đối tác bên ngoài vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

7.4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	1.614.726.459.369	21.063.088.903	1.635.789.548.272
Phải trả cho người bán	123.343.469.282	-	123.343.469.282
Chi phí phải trả	90.353.407.021	-	90.353.407.021
Các khoản phải trả khác	48.934.886.738	-	48.934.886.738
Cộng	1.877.358.222.410	21.063.088.903	1.898.421.311.313
Số đầu năm			
Vay và nợ	1.587.737.245.159	19.110.774.888	1.606.848.020.047
Phải trả cho người bán	217.594.403.159	-	217.594.403.159
Chi phí phải trả	92.991.435.280	-	92.991.435.280
Các khoản phải trả khác	9.285.716.583	592.500.000	9.878.216.583
Cộng	1.907.608.800.181	19.703.274.888	1.927.312.075.069

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2014.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Điều hành Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên đầu năm 2014.

8 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	83,13	83,42
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	16,87	16,58
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	73,17	73,09
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	22,49	22,93
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,15	1,15
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,75	0,45
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,26	0,17
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	9,61	10,08
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,16	2,71
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	118,75	133,66
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	3,75	3,62
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	16,50	16,21
4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động			
- Vòng quay tài sản	Vòng	1,19	1,34
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	4,92	7,82
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,69	2,48
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	10,94	14,08

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014.

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SƠN

LÊ QUỐC PHONG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Phụ lục số 1

PHỤ LỤC 1: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TĂNG SÀN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	152,176,609,314	141,491,630,368	30,336,083,930	2,300,965,902	275,138,000	326,580,427,514
2. Tăng trong năm	7,195,797,308	2,526,686,464	2,602,922,999	331,384,546	-	12,656,791,317
- Tăng do mua mới	7,195,797,308	2,526,686,464	1,808,142,999	331,384,546	-	11,862,011,317
- Tăng từ tài sản thuê tài chính	-	-	794,780,000	-	-	794,780,000
3. Giảm trong năm	6,861,075,668	28,935,583,388	1,121,926,896	-	-	36,918,585,952
- Thanh lý, nhượng bán	6,861,075,668	4,723,532,775	215,238,096	-	-	11,799,846,539
- Điều chỉnh giảm	-	24,212,050,613	906,688,800	-	-	25,118,739,413
4. Số dư cuối năm	152,511,330,954	115,082,733,444	31,817,080,033	2,632,350,448	275,138,000	302,318,632,879
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	48,068,718,537	52,527,320,562	16,259,376,892	1,381,406,664	17,293,183	118,254,115,838
2. Tăng trong năm	5,947,080,446	9,976,312,036	2,389,590,459	212,015,676	6,878,451	18,531,877,068
- Khấu hao trong kỳ	5,947,080,446	9,976,312,036	2,102,291,954	212,015,676	6,878,451	18,244,578,563
- Tăng khác	-	-	287,298,505	-	-	287,298,505
3. Giảm trong năm	2,932,921,926	7,431,460,032	380,535,732	-	-	10,744,917,690
- Thanh lý, nhượng bán	2,932,921,926	730,040,290	-	-	-	3,662,962,216
- Giảm khác	-	6,701,419,742	380,535,732	-	-	7,081,955,474
4. Số dư cuối năm	51,082,877,057	55,072,172,566	18,268,431,619	1,593,422,340	24,171,634	126,041,075,216
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	104,107,890,777	88,964,309,806	14,076,707,038	919,559,238	257,844,817	208,326,311,676
2. Tại ngày cuối năm	101,428,453,897	60,010,560,878	13,548,648,414	1,038,928,108	250,966,366	176,277,557,663

Trong đó:

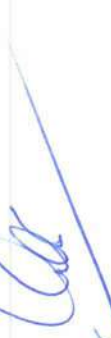
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 107.184.547.400 đồng.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Phụ lục số 2

PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	397,000,000,000	7,586,772,820	16,395,462,810	2,884,988,438	3,321,976,047	126,413,885,672	553,603,085,787
- Tăng trong năm trước	-	-	19,737,379,181	999,384,229	5,340,068,674	211,088,303,520	237,165,135,604
- Giảm trong năm trước	-	377,236,772	-	-	-	121,278,348,875	121,655,585,647
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	397,000,000,000	7,209,536,048	36,132,841,991	3,884,372,667	8,662,044,721	216,223,840,317	669,112,635,744
- Tăng trong năm nay	-	-	32,693,215,812	2,499,963,544	8,517,156,217	107,964,029,558	151,674,365,131
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	-	-	-	-	-	107,964,029,558	107,964,029,558
+ Tăng từ lãi trong năm trước	-	-	32,693,215,812	2,499,963,544	8,517,156,217	-	43,710,335,573
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	181,236,479,835	181,236,479,835
Số dư cuối kỳ	397,000,000,000	7,209,536,048	68,826,057,803	6,384,336,211	17,179,200,938	142,951,390,039	639,550,521,039

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2014.

